

Bản án số: 83/2023/HS-ST

Ngày 27/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thiêm, bà Nguyễn Thị Minh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2023/TLST-HS ngày 31/8/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST-HS ngày 15/9/2023, đối với các bị cáo:

1. Trần Phan Đ, sinh ngày 23 tháng 3 năm 1945 tại tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn L và bà Nguyễn Thị C (đều đã chết) có vợ là Sái Thị Đ1 (đã chết) và 03 con; con lớn nhất sinh năm 1969 con nhỏ nhất sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bùi Văn Đ2, sinh ngày 27 tháng 10 năm 1985 tại Yên Bái; nơi thường trú: Thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nơi ở hiện tại: Thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Minh P, sinh năm 1957 và bà Đinh Thị C1 (đã chết) có vợ là H2g Thị L1 và 02 con đều sinh năm 2018; tiền sự: không; tiền án 04:

- Tại bản án số 97/2005/HSST ngày 27/9/2005 Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 12 năm tù về tội “Mua bán phụ nữ” chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/5/2016.

- Tại bản án số 43/2017/HSST ngày 30/6/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 04 tháng tù về tội “Đánh bạc” bản án áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999 tính tái phạm, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/12/2018.

- Tại bản án số 11/2019/HSST ngày 10/4/2019 Tòa án nhân dân huyện Yên Bình tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” bản án đã áp dụng

điểm g khoản 2 Điều 178 BLHS năm 2015 “tái phạm nguy hiểm”. Bị cáo chưa thi hành do được hoãn chấp hành hình phạt tù (Quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù số 07/2021/QĐ-CA ngày 25/5/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái)

- Tại bản án số 48/2022/HSST ngày 26/9/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “ Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 11/2019/HSST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái buộc Bùi Văn Đ2 phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 03 năm 06 tháng tù. Bản án số 48/2022/HSST ngày 26/9/2022 đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318 BLHS năm 2015 “Tái phạm nguy hiểm” (Bị cáo chưa thi hành do được hoãn thi hành án theo Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù số 02/2023/THAPT-QĐ của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái).

Nhân thân:

- Tại bản án số 33/2005/HSST ngày 14/5/2004 Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xử phạt 09 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích)

- Ngày 07/02/2017 Công an thành phố Yên Bái xử phạt hành chính 2.000.000 đồng về hành vi: Xâm hại sức khỏe của người khác, ngày 14/8/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái xử phạt 750.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đã thi hành xong.

Bị cáo bị bắt ngày 24 tháng 6 năm 2023 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Yên Bái; có mặt.

3. Nguyễn Văn L2, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1980 tại Hà Nội; nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện M, Thành phố Hà Nội, nơi tạm trú và nơi ở hiện tại: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị T (đều đã chết) có vợ là Lã Thị G và 03 con; con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Tại bản án số 191/2012/HSST ngày 19/6/2012 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” đã được xóa án tích. Bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

4. Bùi Đức C2, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1960 tại tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: tổ 2, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi C3 và bà Trần Thị B (đều đã chết) có vợ là Nguyễn Thị T1 và 02 con; con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

5. Trần Thị Thúy H, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1968 tại tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Tổ 01, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh H1 (đã chết) và bà Cao Thị R, có chồng là Trần Văn C4 và 02

con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

6. Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 24 tháng 9 năm 1961 tại Hà Nội; nơi cư trú: Tổ 04, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Hữu trí; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C5 và bà Mai Thị T2 (đều đã chết) có vợ là Trương Thị Phi N và 02 con; con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

7. Nguyễn Thị H3, sinh ngày 14 tháng 9 năm 1974 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tổ 4, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T3 (đã chết) và bà Trần Thị M, có chồng là Nguyễn Văn T4 và 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

8. Phạm Thị T5, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1968 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: tổ 1, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Quốc T6 và bà Nguyễn Thị N2 (đều đã chết) có chồng là Lê Quang D (đã chết) và 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

9. Lê Thị Thu T7, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1988 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: thôn Y, xã S, huyện B, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Nhân viên nuôi dưỡng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Quang D1 (đã chết) và bà Phạm Thị T8 có chồng là Phạm Anh T9 và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã S, huyện B, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Thân Văn T10, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 15, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- Anh Phạm Tô L3, sinh năm 1972; anh Trần Hải T11, sinh năm 1970; cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y; vắng mặt.

Người chứng kiến: ông Đinh Công D2, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 24/6/2023 Trần Phan Đ gọi điện rủ Nguyễn Ngọc H2, Trần Thị Thúy H và Phạm Thị T5 đến ngôi nhà số 225 đường T, thuộc tổ dân phố H, phường H, thành phố Y (là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Trần Phan Đ) để đánh bạc. H2, H, T5 đồng ý. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày H2, T5, Đ1, T7, H3 đi lên căn phòng thờ thuộc tầng 2 ngôi nhà. Tại đây, trên nền nhà của căn phòng đã trải sẵn 02 tấm thảm

vải, trên mỗi tấm thảm đều có 01 bộ bài chắn và 01 chiếc đĩa hình tròn. Sau đó H2, T5, Đ1, H3 cùng rủ nhau ngồi xuống tấm thảm bằng vải ở phía trong căn phòng để đánh bạc dưới hình thức đánh chắn, thắng thua bằng tiền, các Bị cáo lấy 01 bộ bài chắn, 01 đĩa sứ do Đ chuẩn bị từ trước để tham gia đánh bạc với nhau. Quá trình 04 bị cáo đánh bạc nêu trên đã nhờ Lê Thị Thu T7 chia hộ bài chắn để tham gia đánh bạc. Khi các bị cáo đánh bạc với nhau được khoảng 30 phút thì Nguyễn Văn L2, Trần Thị Thúy H và Bùi Đức C2 đến nơi các bị cáo đang đánh bạc, rồi cùng với Trần Phan Đ rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh chắn. L, H, C2 và Đ cùng ngồi xuống tấm thảm bằng vải còn lại trong căn phòng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc T7 ngồi ở giữa hai chiều bạc chia bài để cho 08 bị cáo tại hai chiều đánh bạc với nhau. Trong quá trình các bị cáo đánh bạc có Thân Văn T10, Phạm Tô L3 đến xem nhưng không tham gia đánh bạc, phía dưới tầng 1 của ngôi nhà có anh Trần Hải T11 là con của bị cáo Trần Phan Đ ngồi bán hàng và không tham gia đánh bạc.

Hình thức các bị cáo đánh bạc như sau:

Mỗi chiều bạc gồm 04 bị cáo nêu trên đánh bạc với nhau bằng hình thức đánh chắn. Ban đầu mỗi người chơi đặt số tiền 2.000.000 đồng là tiền “Gà” xuống giữa chiều và sử dụng 01 bộ bài chắn gồm 100 lá bài, có các Hng Vạn, Văn, Sách, các Hng từ Nhị đến Cửu và 04 cây Chi. Khi chơi chia đều cho 04 người chơi 19 quân bài, riêng người cầm cái được chia 20 quân và là người đánh đầu tiên, số bài còn lại để dưới đĩa gọi là Nọc, hai quân giống nhau gọi là Chắn, hai quân cùng loại gọi là Cạ. Thứ tự từ phải qua trái, người có cái đánh 01 quân bài bất kỳ trên tay, người bên phải có thể ăn nếu có bài trên tay giống như lá bài mà người chơi vừa đánh nếu ăn không được sẽ bốc 01 quân bài dưới Nọc lên và đánh 01 quân đi 01 quân lẻ (quân què) cứ đánh như vậy cho đến khi có người ù hoặc bốc hết Nọc mà không có người ù (ván bài hòa) thì ván bài kết thúc. Người ù là người có bài ít nhất 05 chắn, 04 cạ mà khi bốc cây Nọc lên đúng cây đang chờ thì gọi là Bạch thủ hoặc bài có 06 Chắn 03 Cạ mà Nọc lên đúng cây cùng loại với quân què đang cầm trên tay gọi là ù rộng. Các bị cáo quy định mức chơi xuống 20.000 đồng, dịch 20.000 đồng nghĩa là nếu ù không có cước thì 03 người chơi phải trả cho 03 người ù 20.000 đồng còn người ù mà có cước Tôm thì được lấy lên số tiền 120.000 đồng; Bạch thủ và Lèo thì được lấy lên 140.000 đồng. Bạch định, Tám đỏ và Bạch thủ chỉ được lấy lên 160.000 đồng từ số tiền “Gà” và tùy theo cước để trả tiền, mỗi cước tính thêm 01 dịch tương ứng với 10.000 đồng, khi nào hết “Gà” thì các Bị cáo L2 tại bỏ 2.000.000 đồng nộp vào “Gà” để đánh bạc tiếp với nhau. Ai ăn “Gà” còn gọi là ù to (ù Bạch Định, Tám Đỏ, ù Chi) thì phải bỏ ra số tiền 20.000 đồng hoặc 40.000 đồng để vào vị trí của T7 đang ngồi chia bài. Số tiền này được các bị cáo đánh bạc thống nhất với nhau và để trả cho Đ khi Đ cho mượn địa điểm để đánh bạc, ngoài ra số tiền này được Đ sử dụng một phần để trả tiền công cho chia bài cho T7 và sử dụng để mua đồ ăn, uống phục vụ các bị cáo đánh bạc nêu trên. Các bị cáo đánh bạc đến 14 giờ 50 cùng ngày thì bị tổ công tác Đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố Yên Bái phát hiện bắt quả tang, lập biên biên bản và thu giữ các vật chứng sau:

- 100 (một trăm) lá bài chắn hình chữ nhật, một mặt màu xanh, một mặt có hình chữ và hoa văn; 100 (một trăm) lá bài chắn hình chữ nhật, một mặt màu trắng, một mặt có hình chữ và hoa văn; 02 tấm thảm bằng vải hình chữ nhật tối màu (trong đó: 01 tấm thảm có kích thước 0,94x1m; 01 tấm thảm có kích thước 0,98x1m); 02 chiếc đĩa sứ hình tròn,

mặt trên có hình hoa văn (trong đó có 01 chiếc đĩa sứ có đường kính 19cm; 01 chiếc đĩa sứ có đường kính 18cm); và tổng số tiền 42.205.000 đồng, gồm có:

+ Số tiền 6.740.000 đồng thu giữ tại vị trí giữa chiếu (tiền đặt “Gà” nơi H2, Đ1, T5, H3 đang ngồi đánh bạc; Số tiền 2.290.000 đồng, trong đó có 120.000 đồng thu giữ tại vị trí H2 đang ngồi đánh bạc và 2.170.000 đồng H2 tự nguyện giao nộp; Số tiền 500.000 đồng thu giữ tại vị trí Đ1 đang ngồi đánh bạc; Số tiền 9.800.000 đồng, trong đó 4.000.000 đồng thu giữ tại vị trí T5 đang ngồi đánh bạc, 5.800.000 đồng do T5 tự nguyện giao nộp; Số tiền 7.500.000 đồng, trong đó 3.500.000 đồng thu giữ tại vị trí H3 đang ngồi đánh bạc, 4.000.000 đồng do H3 tự nguyện giao nộp;

+ Số tiền 4.840.000 đồng, thu giữ tại vị trí giữa chiếu (tiền đặt “Gà”) nơi L, Đ, T5, C2 đang ngồi đánh bạc; Số tiền 2.230.000 đồng thu giữ tại vị trí L đang ngồi đánh bạc; Số tiền 6.160.000 đồng, trong đó 2.720.000 đồng thu giữ tại vị trí H đang ngồi đánh bạc và 3.440.000 đồng do H tự nguyện giao nộp; Số tiền 900.000 đồng thu giữ tại vị trí Đ đang ngồi đánh bạc; Số tiền 765.000 đồng thu giữ tại vị trí C2 đang ngồi đánh bạc; Số tiền 480.000 đồng thu giữ tại vị trí T7 đang ngồi. T7 khai nhận khi chia bài cho 02 chiếu bạc nêu trên, các bị cáo khi ù “thắng bạc” đã để tiền vào vị trí của T7.

Tại bản kết luận giám định số 448/KL - KTHS ngày 04/8/2023 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: Toàn bộ số tiền 42.205.000 đồng gửi giám định là tiền thật.

Cáo trạng số 75/CT-VKSTP ngày 30/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Truy tố:

- Bị cáo Trần Phan Đ về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Bùi Văn Đ2 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo Bùi Đức C2, Trần Thị Thúy H, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Ngọc H2, Phạm Thị T5, Lê Thị Thu T7 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Phan Đ phạm tội “Đánh bạc” và tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Nguyễn Ngọc H2, Bùi Văn Đ2, Nguyễn Văn L2, Bùi Đức C2, Trần Thị Thúy H, Nguyễn Thị H3, Phạm Thị T5, Lê Thị Thu T7 về tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Phan Đ từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Phan Đ từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo **Trần Phan Đ** phải chịu chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc” từ 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

2. Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Bùi Văn Đ2** từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 24 tháng 6 năm 2023.

Phạt bị cáo **Bùi Văn Đ2** từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của bản án số 48/HSST/2022/ ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đối với bị cáo **Bùi Văn Đ2**.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L2** từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc H2** từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Bùi Đức C2** từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Trần Thị Thúy H** từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H3** từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Phạm Thị T5** từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt Bị cáo **Lê Thị Thu T7** từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm; Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Đ2, L2, H2, C2, H, H3, T5, T7 thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc như đã nêu trên. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, đều xin Hội đồng xét xử cho được hưởng hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, đánh giá tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Hồi 15 giờ ngày 24/6/2023, tại tầng 2 ngôi nhà số 225 đường T, thuộc tổ dân phố H, phường H, thành phố Y là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Trần Phan Đ. Các bị cáo Trần Phan Đ, Bùi Văn Đ2, Nguyễn Văn L2, Bùi Đức C2, Nguyễn Ngọc H2, Trần Thị Thúy H, Phạm Thị T5, Nguyễn Thị H3, Lê Thị Thu T7 đã ngồi thành 02 chiều thực hiện hành vi đánh bạc, được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “chắn”. Tổng số tiền các bị cáo H2, Đ1, T5, H3 sử dụng để đánh bạc là 21.430.000 đồng. Tổng số tiền tại các Bị cáo L22, Đ, H, C2 đánh bạc là 14.975.000 đồng. Lê Thị Thu T7 không là người trực tiếp Hnh bạc nhưng có Hành vi giúp sức chia bài cho cả 02 chiều bạc với tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc tại 02 chiều bạc là 36.405.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Trần Phan Đ, Nguyễn Văn L2, Bùi Đức C2, Nguyễn Ngọc H2, Trần Thị Thúy H, Phạm Thị T5, Nguyễn Thị H3, Lê Thị Thu T7 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Phan Đ có Hành vi sử dụng địa điểm là ngôi nhà số 225 đường T, thuộc tổ dân phố H, phường H, thành phố Y thuộc quyền sở hữu quản lý của bị cáo để cho 02 chiều bạc trong cùng một lúc đánh bạc là 21.430.000 đồng + 14.975.000 đồng = 36.405.000 đồng. Hành vi này của bị cáo Trần Phan Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Đối với Bùi Văn Đ2: Tại Bản án số 48/2022/HSST ngày 26/9/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung là “Tái phạm nguy hiểm” xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ2 02 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt đối với Bản án số 11/2019/HSST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái buộc Đ1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 03 năm 06 tháng tù. Bị cáo chưa thi hành mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, hành vi phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Đ là người khởi xướng có vai trò chính. Các bị cáo Đ2, L2, H2, C2, H, H3, T5 là người thực hành và có vai trò như nhau. Bị cáo T7 là đồng phạm với vai trò giúp sức.

[5] Về nhân thân:

Bị cáo Bùi Văn Đ2 có 01 tiền án đã được xóa án tích, 02 tiền sự đã thi hành xong và 04 tiền án chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, giáo dục bản thân lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần xử phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới cải tạo giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Bị cáo L2 có 01 tiền án năm 2012 bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ bị cáo đã chấp hành xong, đã được xóa án tích năm 2012.

Các bị cáo Đ, Đ2, L2, H2, C2, H, H3, T5, T7 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Các bị cáo đều vì mục đích vụ lợi, thiếu sự tu dưỡng rèn luyện bản thân nên phạm tội. Do đó, cần có hình phạt thỏa đáng tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của mỗi bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo và đảm bảo tác dụng phòng chống tội phạm.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Các bị cáo Đ, Đ2, L2, H2, C2, H, H3, T5, T7 đều thành khẩn khai báo. Bị cáo Đ là người già trên 70 tuổi, là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, vợ bị cáo và bố đẻ của bị cáo đều được tặng thưởng huân, huy chương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo H2, C2, H, H3, T5, T7 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo L2, C2, H có bố hoặc mẹ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân, Huy chương. Bị cáo H2 nhận được của rơi trả lại người mất được Công an phường Hợp Minh ghi nhận là tấm gương người tốt, việc tốt, bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Bị cáo T7 được nhà trường nơi công tác tặng nhiều giấy khen các năm 2021, 2022, 2023.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo L2 có 01 tiền án đã được xóa án tích năm 2012 theo quy định tại mục 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì có thể coi là nhân thân tốt. Bị cáo Đ là người già trên 70 tuổi, hiện đang điều trị đột quỵ, thoát vị đĩa đệm đốt sống lưng, cao huyết áp tại bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái. Bị cáo Đ, H2, C2, H, H3, T5, T7 có nhân thân tốt. Các bị cáo Đ, L2, H2, C2, H, H3, T5, T7 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có thu nhập ổn định nên không nhất thiết áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội thể hiện chính sách khoan hồng đối với người phạm tội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Đ2. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Đ, H2, L2, C2, H, H3, T5, T7 do đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền.

[9] Về vật chứng:

- Đối với 100 (một trăm) lá bài chắn hình chữ nhật, một mặt màu xanh, một mặt có hình chữ và hoa văn; 100 (một trăm) lá bài chắn hình chữ nhật, một mặt màu trắng, một mặt có hình chữ và hoa văn; 02 tấm thảm bằng vải hình chữ nhật tối màu (trong đó: 01 tấm thảm có kích thước 0,94x1m; 01 tấm thảm có kích thước 0.98x1m); 02 chiếc đĩa sứ hình tròn, mặt trên có hình hoa văn (trong đó có 01 chiếc đĩa sứ có đường kính 19cm; 01 chiếc đĩa sứ có đường kính 18cm) là công cụ các bị cáo sử dụng vào hành vi đánh bạc nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 42.205.000 đồng tạm giữ, quá trình điều tra xác định trong đó có số tiền 5.800.000 đồng là tài sản hợp pháp của Phạm Thị T5, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Yên Bái đã trả lại cho Phạm Thị T5 là phù hợp. Còn lại số tiền 36.405.000 đồng các bị cáo sử dụng đánh bạc cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Các vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với Phạm Tô L3 và Thân Văn T10 là những người đến xem các bị cáo đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc và không có hoạt động gì liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo, còn Trần Hải T11 là người mượn tầng 1 ngôi nhà của Trần Phan Đ để bán hàng, quá trình các bị cáo đánh bạc vào ngày 24/6/2023 T11 không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Vì vậy không đề cập vấn đề xử lý L3, T10, T11 trong vụ án này.

- Ngoài ra Trần Phan Đ còn khai nhận trước đó đã có 1- 2 lần cho những người khác đến tham gia đánh bạc tại ngôi nhà của mình. Tuy nhiên, các lần đánh bạc này những người tham gia đánh bạc tại nhà Đ với tổng số tiền không lớn, thời gian đã lâu nên Đ không nhớ cụ thể những người đã đến đánh bạc, số tiền sử dụng để đánh bạc. Vì vậy không đủ căn cứ để xử lý Đ về những lần đánh bạc này.

- Đối với việc Bùi Văn Đ2 vay số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc, Trần Phan Đ không tính lãi, không bắt cầm cố đồ vật tài sản gì. Đ không yêu cầu Đ1 phải hoàn trả số tiền 5.000.000 đồng trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét

[11] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo Trần Phan Đ, Bùi Đức C2 là người cao tuổi, có đề nghị xin miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH 14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội các bị cáo Trần Phan Đ, Bùi Đức C2 được miễn nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Bùi Văn Đ2, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Ngọc H2, Trần Thị Thúy H, Nguyễn Thị H3, Phạm Thị T5, Lê Thị Thu T7 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Phan Đ phạm tội “Đánh bạc” và tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Nguyễn Ngọc H2, Bùi Văn Đ2, Nguyễn Văn L2, Bùi Đức C2, Trần Thị Thúy H, Nguyễn Thị H3, Phạm Thị T5, Lê Thị Thu T7 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Phan Đ 50.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 322, điểm o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Phan Đ 100.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo **Trần Phan Đ** phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc” là 150.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.2. Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Bùi Văn Đ2 03 năm 06 tháng** tù. Phạt bị cáo Bùi Văn Đ2 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù của Bản án số 48/2022/HSST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái. Buộc bị cáo Đ2 phải chấp hành hình phạt chung của Bản án số 48/2022/HSST ngày 26/9/2022 và Bản án này là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 24 tháng 6 năm 2023. Được khấu trừ 04 tháng 04 ngày tạm giam (từ ngày 02/12/2018 đến ngày 14/12/2018 tại Bản án số 11/2019/HS- ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái và từ ngày 22/4/2022 đến ngày 10/8/2022 tại bản án số 48/2022/HS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái). Bị cáo còn phải chấp hành **06 (sáu) năm 07 (bảy) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày** tù.

Phạt bổ sung bị cáo Bùi Văn Đ2 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L2** 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H3** từ 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Phạm Thị T5** 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.6 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc H2** 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Bùi Đức C2** 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Trần Thị Thúy H** 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.9. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt Bị cáo **Lê Thị Thu T7** 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 200 (một trăm) lá bài chắn hình chữ nhật; 02 tấm thảm bằng vải hình chữ nhật tối màu; 02 chiếc đĩa sứ hình tròn, mặt trên có hình hoa văn

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 36.405.000 đồng các bị cáo sử dụng đánh bạc.

(Các vật chứng nêu trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/8/2023 giữa Chi cục thi hành án thành phố Yên Bái và Cơ quan CSĐT Công an thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Bùi Văn Đ2, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Ngọc H2, Trần Thị Thúy H, Nguyễn Thị H3, Phạm Thị T5, Lê Thị Thu T7 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội các bị cáo Trần Phan Đ, Bùi Đức C2 được miễn nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Ngọc H2, Bùi Văn Đ2, Nguyễn Văn L2, Bùi Đức C2, Trần Thị Thúy H, Nguyễn Thị H3, Phạm Thị T5, Lê Thị Thu T7 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Trần Phan Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Yên Bái.
- VKSND TP Yên Bái.
- Chi cục THADS TP Yên Bái.
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- CQ CSĐT Công an TP Yên Bái;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Yên Bái;
- Các Bị cáo;
- THAHS;
- Lưu HS, TA.

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Tuyền

